

Bản án số: 08/2019/HC -PT
Ngày: 24 - 10 - 2019
V/v Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý thuế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn.

Các thẩm phán: 1. Ông Hoàng Kim Khánh.

2. Ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên .

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 08/2019/TLPT-HC ngày 09/9/2019 về việc “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 04/2019/HC-ST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2019/QĐPT-HC ngày 03/10/2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Kim Ph; địa chỉ: LD, phường ET, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph là: Ông Đỗ Anh T; địa chỉ: C, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Người bị kiện: Chi cục thuế thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H – Chức vụ: Phó chi cục thuế thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: NTN, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BMT là: Ông Nguyễn Tấn L – Chức vụ: Trưởng bộ phận đăng ký thống kê; địa chỉ: LND, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Ông Lục Đại Ph1; địa chỉ: LD, phường ET, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ph1 là: Ông Đỗ Anh T; địa chỉ: C, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Phạm Thị Kim Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa người diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Anh T trình bày có nội dung sau:

Quyết định số: 358/QĐ-CCT ngày 11/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố BMT về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Kim Ph, không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 02/12/2018 của bà Ph và giữ nguyên Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0051943-TB-CCT ngày 05/11/2018 của Chi cục thuế thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk xác định nghĩa vụ tài chính 50% với tổng số tiền 482.895.000 đồng phải nộp tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 9, diện tích 116,7m², địa chỉ thửa đất: LD, phường ET, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk tại Mục 10 Hình thức sử dụng đất có nội dung không có giấy tờ theo khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 là chưa chính xác. Vì đất của hộ gia đình bà Ph có nguồn gốc đất ở ổn định trước năm 1975 theo Phiếu ý kiến khu dân cư ngày 27/08/2018 của UBND phường ET và theo Hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28 tháng 2 năm 1999 thì khi được UBND thành phố BMT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thì diện tích đất trên của bà Phạm Thị Kim Ph thuộc đối tượng không phải nộp tiền sử dụng đất, nhưng Chi cục thuế thành phố BMT ký xác định nghĩa vụ tài chính 50% phải nộp theo điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số: 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ để thu tiền sử dụng đất 50% phải nộp là chưa chính xác. Vì căn cứ theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 99 và khoản d, g khoản 1, khoản 2 Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật đất đai năm 2013 và điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số: 36/2014/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì thửa đất số: 8, tờ bản đồ số 9, diện tích: 116,7m², địa chỉ thửa đất: LD, phường ET thì thuộc đối tượng không phải nộp khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013

Như vậy, việc Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố BMT ký ban hành Quyết định số: 358/QĐ-CCT ngày 11/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố BMT về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Ph, không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 02/12/2018 của bà Ph và giữ nguyên Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0051943-TB-CCT ngày 05/11/2018 của Chi cục thuế thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk là không đúng với quy định của pháp luật. Vì đã xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình bà Ph được pháp luật bảo vệ vì đất của bà Ph có nguồn gốc làm nhà ở trước 18/12/1980 tuy nhận chuyển nhượng năm 1999 nhưng khi được UBND thành phố BMT ký Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc đối tượng không phải nộp tiền sử dụng đất theo điểm a, c khoản 1 Điều 99 và khoản d, g khoản 1, khoản 2 Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật đất đai năm 2013 và điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số: 36/2014/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Vì vậy, nay ông Tổng là đại diện theo ủy quyền của bà Ph, ông Ph1 vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện của Người khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim Ph, tuyên hủy bỏ toàn bộ Quyết định số: 358/QĐ-CCT ngày 11/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố BMT về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Kim Ph (Lần đầu) Không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 02/12/2018 của bà Ph và giữ nguyên Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501- TK0051943-TB-CCT ngày 05/11/2018 của Chi cục thuế thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0051943- TB-CCT ngày 05/11/2018 của Chi cục thuế thành phố BMT vì ký ban hành không đúng với quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 99 và khoản d, g khoản 1, khoản 2 Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật đất đai năm 2013 và điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số: 36/2014/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Ngày 25/10/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BMT gửi phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính đến Chi cục thuế thành phố BMT để xác định nghĩa vụ tài chính của bà Phạm Thị Kim Ph có nội dung như sau: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại: Phường ET, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; loại đường/khu vực: Đường LD, đoạn Y; bên trái: TT đến bên phải: ĐVN; bên trái: Y1; diện tích 116,7m², diện tích nhận chuyển nhượng; mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị; thời điểm bắt đầu sử dụng đất: Sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004; gồm Trích bản đồ địa chính ngày 24/10/2018; đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 26/8/2018; phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 27/8/2018; ranh giới, mốc giới sử dụng đất; danh sách công khai số 1189/DSTB - UBND ngày 04/9/2018

của UBND phường ET về kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường ET; phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; biên bản xác minh hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ph; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/02/1999 kèm theo hiện trạng lô đất; giấy cam kết ngày 23/10/2018; tờ khai tiền sử dụng đất của bà Ph; tờ khai lệ phí trước bạ, nhà đất của bà Ph; tờ khai thuế thu nhập cá nhân của ông Th; thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số: LTB 186501-TK0051944/TB-CCT ngày 05/11/2018; thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0051943/TB- CCT ngày 05/11/2018.

Việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên của bà Phạm Thị Kim Ph Chi cục thuế căn cứ trên phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BMT.

Ngày 17/12/2018 Chi cục thuế thành phố BMT nhận được đơn khiếu nại đề ngày 02/12/2018 của bà Phạm Thị Kim Ph.

Nội dung khiếu nại: Khiếu nại thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB 1860501-TK0051943-TB-CCT ngày 05/11/2018 của Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngày 11/01/2019, Chi cục thuế thành phố BMT đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 358/QĐ-CCT không công nhận nội dung khiếu nại ngày 02/12/2018 của bà Phạm Thị Kim Ph.

Căn cứ pháp lý: Luật khiếu nại số 02/2011/QH 13 ngày 11/11/2011.

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định:

Điều 7. Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai.

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất và tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nếu được cấp Giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở thì phải nộp tiền sử dụng đất bằng 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức giao đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất; đối với diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) thì phải nộp bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất quy định điểm b,

điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Căn cứ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về thu tiền sử dụng đất quy định trình tự xác định, thu nộp tiền sử dụng đất:

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân: Căn cứ hồ sơ địa chính (thông tin về người sử dụng đất, diện tích đất, vị trí đất và mục đích sử dụng đất) do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất hoặc Cơ quan tài nguyên và môi trường gửi đến; căn cứ Quyết định của ủy ban nhân dân cấp tỉnh về phê duyệt giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất hoặc Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất và hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận, chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân; trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan thuế xác định số tiền sử dụng đất, ra thông báo nộp tiền sử dụng đất và gửi cho hộ gia đình, cá nhân.

Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND, ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2015.

Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất, quy định áp dụng đối với bảng giá các loại đất; quy định hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại các quyết định của UBND tỉnh.

Căn cứ phiếu chuyển thông tin địa chính số: 1840263/PCTTĐC của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BMT, kèm theo hồ sơ của bà Phạm Thị Kim Ph được chuyển đến Chi cục thuế ngày 25/10/2018.

Căn cứ quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn, việc Chi cục thuế ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB 1860501-TK0051943-TB-CCT ngày 05/11/2018 đối với trường hợp của bà Phạm Thị Kim Ph là đúng quy định của pháp luật. Chi cục thuế đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Phạm Thị Kim Ph

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn L trình bày:

Ngày 17/10/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BMT nhận được hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, thửa đất tọa lạc tại phường ET, thành phố Buôn Ma Thuột của bà Phạm Thị Kim Ph và ông Lục Đại Ph1, hồ sơ gồm có:

Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Ph và ông Ph1 ký ngày 26/8/2018 và được UBND phường ET ký xác nhận ngày 19/9/2018.

Danh sách công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Ph và ông Ph1 với thửa đất trên.

Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất và trích lục bản đồ địa chính đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, thửa đất tọa lạc tại phường ET, thành phố Buôn Ma Thuột của bà Phạm Thị Kim Ph và ông Lục Đại Ph1.

Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất 08, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường ET, thành phố Buôn Ma Thuột của bà Phạm Thị Kim Ph và ông Lục Đại Ph1 do UBND phường ET ngày 27/8/2018.

Biên bản xác minh ngày 08/10/2018 của UBND phường ET đối với thửa đất trên của bà Phạm Thị Kim Ph và ông Lục Đại Ph1.

Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Trung Th cho bà Phạm Thị Kim Ph được UBND phường ET xác nhận.

Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất của ông Nguyễn Trung Th cho bà Phạm Thị Kim Ph được UBND phường ET xác nhận ngày 28/02/1999.

Giấy cam kết hạn mức đất ở của bà Phạm Thị Kim Ph ký ngày 23/10/2018.

Biên bản thu thuế nhà đất của bà Phạm Thị Kim Ph ký ngày 08/6/2003 và ngày 25/5/2004.

Tờ khai tiền sử dụng đất và tờ khai lệ phí trước bạ của bà Phạm Thị Kim Ph và ông Lục Đại Ph1.

Nguồn gốc đất và căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Nguồn gốc đất: Trước năm 1975 hộ ông Nguyễn Trung Th tự khai phá lô đất để ở và làm kinh tế vườn. Đến năm 1999 ông Th sang nhượng một phần diện tích đất trồng cho bà Phạm Thị Kim Ph, trong năm 1999 bà Ph làm nhà ở và sử dụng ổn định cho đến nay (theo phiếu lấy ý kiến khu dân cư do UBND phường ET lập ngày 27/8/2018).

Căn cứ cấp giấy chứng nhận QSD đất: Căn cứ khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Như vậy, căn cứ nguồn gốc đất và các quy định trên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BMT lập phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính với diện tích đất phải nộp đối với diện tích 116.7m² đất ở và được xác định trong hạn mức đất ở đối với thửa đất trên của bà Phạm Thị Kim Ph và ông Lục Đại Ph1 là đúng quy định hiện hành.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại bản án số 04/2019/HC-ST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 115, Điều 146, khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

- Căn cứ Điều 99, Điều 100, khoản 2 Điều 103 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ vào các Điều 4, 5, 13, 19, 27, 28, 29, 30, 31 của Luật khiếu nại số: 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

- Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phạm Thị Kim Ph về việc: Yêu cầu hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0051943/TB-CCT ngày 05/11/2018 của Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột và Quyết định số: 358/QĐ-CCT ngày 11/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố BMT về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Kim Ph (lần đầu).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/2019, bà Phạm Thị Kim Ph làm đơn kháng cáo với nội dung: Việc bà xin cấp GCN QSD đất đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, thửa đất tọa lạc tại phường ET, thành phố Buôn Ma Thuột có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trung Th có nhà ở ở định từ năm 1957 và khi chuyển nhượng có kèm theo nguồn gốc đất và có chữ ký của các bên liên quan. Do đó theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 99 và khoản b, d, g khoản 1 khoản 2 Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật đất đai 2013 và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 36/2014/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì thửa đất trên của bà Phạm Thị Kim Ph thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất. Do đó, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Kim Ph.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị Kim Ph.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và các đương sự thực hiện đúng quy định của luật tố tụng hành chính;

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng kháng cáo của bà Ph là không có cơ sở để xem xét. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà Ph – Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buon Ma Thuột. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt không lý do. Do đó, HĐXX phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Kim Ph về yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại số Quyết định số: 358/QĐ-CCT ngày 11/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố BMT về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Kim Ph (Lần đầu) và hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0051943- TB-CCT ngày 05/11/2018 của Chi cục thuế thành phố BMT, thấy rằng:

[1.1] Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thì có thể xác định được nguồn gốc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 9, diện tích 116,7m², địa chỉ thửa đất: LD, phường ET, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk của bà Phạm Thị Kim Ph và ông Lục Đại Ph1 nguyên trước năm 1975 hộ ông Nguyễn Trung Th tự khai phá một lô đất để ở và làm kin tế vườn. Đến năm 1999 ông Th sang nhượng một phần diện tích đất trồng cho bà Ph, trong năm 1999 bà Ph làm nhà ở và sử dụng ổn định cho đến nay.

[2.2] Mặt khác, đến ngày 26/8/2018 bà Phạm Thị Kim Ph nộp đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 18/10/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BMT tiếp nhận được hồ sơ đầy đủ về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Kim Ph đối với diện tích đất tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 9, diện tích: 116,7m², địa chỉ thửa đất: LD, phường ET, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Cho nên, việc cấp GCN QSD đất và thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Ph được áp dụng theo

quy định của Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn áp dụng Luật đất đai 2013. Bên cạnh đó, bà Ph không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc bà Ph đã nộp tiền để được sử dụng đất.

[2.3] Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Kim Ph do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BMT cung cấp và quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: Trước năm 1975 hộ ông Nguyễn Trung Th tự khai phá lô đất để ở và làm kinh tế vườn. Đến năm 1999 ông Th sang nhượng một phần diện tích đất trống cho bà Phạm Thị Kim Ph. Trong Năm 1999 bà Ph làm nhà ở và sử dụng ổn định cho đến nay (bút lục 18).

Từ phân tích tại mục [2.1], [2.2] và [2.3] có thể xác định: Hộ gia đình bà Ph, ông Ph1 thuộc trường hợp công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 mà không có giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013. Do đó, việc thu tiền sử dụng đất khi cấp GCN QSD đất cho hộ bà Ph, ông Ph1 được thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, theo đó hộ bà Ph, ông Ph1 phải nộp 50% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích đất trong hạn mức giao đất ở tại địa phương theo giá đất quy định tại Bảng giá đất tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hộ bà Ph, ông Ph1 xin công nhận 116,7m² đất ở là trong hạn mức giao đất tại địa phương. Chính vì vậy, Chi cục thuế thành phố BMT căn cứ vào quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk “về ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố của tỉnh năm 2015” để ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1860501-TK0051943- TB-CCT ngày 05/11/2018 đối với diện tích đất 116,7m², thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 9 để xác định nghĩa vụ tài chính là 50% với số tiền 482.895.000 đồng là đúng quy định pháp luật. Từ đó, quyết định giải quyết khiếu nại số 358/QĐ-CCT ngày 11/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố BMT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Kim Ph và giữ nguyên thông báo nộp thuế số LTB1860501-TK0051943- TB-CCT ngày 05/11/2018 là có căn cứ đúng pháp luật. Do đó, hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Kim Ph mà cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên bà Phạm Thị Kim Ph phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 4 Điều 225, khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị Kim Ph. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 115, Điều 146, khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 99, Điều 100, khoản 2 Điều 103 Luật đất đai năm 2013; Điều 4, 5, 13, 19, 27, 28, 29, 30, 31 của Luật khiếu nại số: 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phạm Thị Kim Ph về việc: Yêu cầu hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0051943/TB-CCT ngày 05/11/2018 của Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột và Quyết định số: 358/QĐ-CCT ngày 11/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố BMT về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Kim Ph (lần đầu).

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị Kim Ph phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai số AA/2019/0002169 ngày 08/8/2019 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BMT.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHA Tp. BMT;
- Dương sự;
- Lưu Vp; lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trịnh Văn Toàn